**TUẦN 33:** **CHỦ ĐỀ 13: ÔN TẬP CUỐI NĂM**

Bài 67: ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN (2 TIẾT)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức:***

*-* Đọc, viết được các số tự nhiên. Nhận biết được cấu tạo thập phân của số.

- Nhận biết được tính chất của dãy số tự nhiên: Hai số liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị, hai số chẵn liên tiếp hoặc hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị.

- Nhận biết được số chẵn, số lẻ.

- Nhận biết được giá trị theo vị trí của chữ số trong một số.

- Viết được số thành tổng các triệu, trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị và ngược lại.

**-** Nhận biết được trong dãy số tự nhiên có số 0 là số tự nhiên bé nhất và không có số lớn nhất.

- Tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong bốn số tự nhiên đã cho.

- Làm tròn được số tự nhiên đến hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn.

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến so sánh, sắp thứ tự các số tự nhiên.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 30/4/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Đọc số sau: 54 567  + Câu 2: Viết số sau: Ba trăm bốn bảy lăm ngìn sáu trăm bảy mươi chín.  + Câu 3: Cho biết giá trị của chữ số 3 trong số sau: 347 679.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: Năm mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi bảy.  + 347 679  + Giá trị của chữ số 3 là: 300 000    - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**  - Mục tiêu:  - Đọc, viết, so sánh được được thứ tự các số đến 100 000.  - Nhận biết được cấu tạo thập phân của số trong phạm vi 100 000.  - Viết được số thành tổng các chục nghìn nghìn trăm chục đơn vị và ngược lại.  - Tìm được số liền trước, số liền sau của một số; Số lớn nhất số bé nhất trong 4 số đã cho.  - Viết được 4 số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn và từ lớn đến bé.  - Cách tiến hành: | |
| Bài 1.Viết số và đọc số (theo mẫu) (Cá nhân) Nêu số và cách đọc số.  - GV hướng dẫn học sinh làm miệng và kết hợp bảng con:    - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: (Làm việc nhóm 2)  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài toán  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.  a. Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu)  Mẫu: 6 945 = 6 000 + 900 + 40 + 5  b. Số?  40 000 + 5 000 + 80 + ? = 45 086  6  700 000+90 000+ ? +300+20 =794 320  5 000 000+600 000+2 000+ ? +4=5 602 904  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: Trong dãy số tự nhiên? (Nhóm 4)  - GV cho HS làm theo nhóm.  a. Hai số liên tiếp hơn kém nhau mấy đơn vị?  b. Hai số chẳn liên tiếp hơn kém nhau mấy đơn vị?  c. Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau mấy đơn vị?  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 4. Số? (Làm việc cá nhân)  - GV mời 1 HS nêu cách làm.  - Cả lớp làm bài vào vở    - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  Bài 5. Tìm số thích hợp với dấu “?” để được: (Làm việc nhóm hoặc thi ai nhanh ai đúng.)  - GV cho HS nêu giá trị các số theo thứ tự từ bé đến lớn.  - GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.  a. Bốn số tự nhiên liên tiếp   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 999 | ? | 1 001 | ? |   b. Bốn số lẻ liên tiếp   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 2 987 | 2 989 | ? | ? |   c. Bốn số chẳn liên tiếp   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 74 500 | ? | 74 504 | ? |   - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương. | - HS lần lượt nêu cách viết, đọc số.  + 35 107 đọc số (Ba mươi lăm nghìn một trăm linh bảy).  - HS lần lượt làm bảng con kết hợp đọc miệng các số còn lại:  + Viết số: 240 638  + Viết số: 7 906 450  + Viết số: 5 830 900  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS đọc yêu cầu bài toán.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  a. 9 834 = 9 000+800+30+4  35 612 = 30 000+5 000+600+10+2  653940= 600 000+50 000+3 000+900+40  7 308 054= 7 000 000+ 300 000+ 8000+ 50+4  40 000 + 5 000 + 80 + 6 = 45 086  6  700 000+90 000+ 4000+300+20 =794320  5000000+600000+2000+900+4=5602904  - HS đổi vở soát nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  a, Hai số liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.  b. Hai số chẳn liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị.  c. Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị.  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - Xác định chữ số đã cho thuộc hàng nào trong mỗi số.  - HS làm việc theo yêu cầu.  +46 094 chữ số 6 có giá trị là 6 000  chữ số 9 có giá trị là 90  +903 460 chữ số 6 có giá trị là 60  chữ số 6 có giá trị là 900 000  +6 791400 chữ số 6 có giá trị là 6000 000  chữ số 6 có giá trị là 90 000  - HS nhận xét và đọc lại giá trị của chữ số 6 và chữ số 9.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS làm việc theo yêu cầu.  - Số liền trước của một số là số kém chữ số đó 1 đơn vị. Số liền sau của một số là số hơn chữ số đó 1 đơn vị.  a. Bốn số tự nhiên liên tiếp   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 999 | 1 000 | 1 001 | 1 002 |   b. Bốn số lẻ liên tiếp   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 2 987 | 2 989 | 2 991 | 2 993 |   c. Bốn số chẳn liên tiếp   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 74 500 | 74 502 | 74 504 | 74 506 |   - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết số liền trước, số liều sau, đọc số, viết số...  - Ví dụ: GV viết 4 số bất kì như: 68 456, 400 250; 100 001; 50 005 và 4 phiếu. Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em đứng theo thứ tự từ bé đến lớn theo đánh dấu trên bảng.  Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 4 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

------------------------------------------------

**TIẾT 2. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 01/5/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Tìm số lớn nhất: 54 201; 123 100; 4 900; 100 452  + Câu 2: Số 46 257 chữ số 4 có giá trị bao nhiêu?  + Câu 3: Tìm bốn số lẻ liên tiếp?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 34 251 | ? | 34 255 | ? |   - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: 123 100  + Số 46 257 chữ số 4 có giá trị 40 000  + Bốn số lẻ liên tiếp.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 34 251 | 34 253 | 34 255 | 34 257 |   - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**  - Mục tiêu:  **-** Nhận biết được trong dãy số tự nhiên có số 0 là số tự nhiên bé nhất và không có số lớn nhất.  - Tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong bốn số tự nhiên đã cho.  - Làm tròn được số tự nhiên đến hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn.  - Giải được bài toán thực tế liên quan đến so sánh, sắp thứ tự các số tự nhiên.  - Cách tiến hành: | |
| Bài 1. Đ, S ? (Cá nhân)  - GV hướng dẫn học sinh làm miệng.  a. Số tự nhiên bé nhất là 0.  b. Số liền sau của số 1 000 000 là 1 000 001.  c. Số tự nhiên lớn nhất là 9 999 999.  d. Trong dãy số tự nhiên không có số lớn nhất.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: Chọn câu trả lời đúng. (Nhóm 2)  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài toán.  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.  a. Con voi nào dưới đây nặng nhất?    b. Xe đạp nào dưới đây có giá tiền thấp nhất?    - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: Số? (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài toán.  - GVcho HS làm theo nhóm.  a. Làm tròn đến hàng nghìn, số dân của Việt Nam có khoảng? người.  b. Làm tròn đến hàng chục nghìn, số dân của Việt Nam có khoảng? người.  c. Làm tròn đến hàng trăm nghìn, số dân của Việt Nam có khoảng? người.  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 4. Làm việc cá nhân.  - GV cho HS tìm hiểu đề bài.  - GV yêu cầu HS nêu cách làm.  - Cả lớp làm bài vào vở.  a. Hỏi mỗi trường có bao nhiêu học sinh?  b. Viết số học sinh của bốn trường tiểu học đó theo thứ tự từ bé đến lớn.  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  Bài 5: Số? (Làm việc nhóm hoặc thi ai nhanh ai đúng.)  - GV cho HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV tổ chức làm nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.  + Từ bốn thẻ số 0,1,2,3 có thể lặp được số chẳn bé nhất có bốn chữ số là?  - GV mời các nhóm trình bày và giải thích.  - Mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS lần lượt nêu kết quả.  a. Số tự nhiên bé nhất là 0. Đúng.  b. Số liền sau của số 1 000 000 là  1 000 001. Đúng.  c. Số tự nhiên lớn nhất là 9 999 999. Sai  d. Trong dãy số tự nhiên không có số lớn nhất. Đúng.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS đọc yêu cầu bài toán.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  a. Chọn C (4 920kg)  b. Chọn D (4 550 000 đồng)  - HS đổi vở soát nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS đọc yêu bài toán.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  a. Làm tròn đến hàng nghìn, số dân của Việt Nam có khoảng 96 209 000 người.  b. Làm tròn đến hàng chục nghìn, số dân của Việt Nam có khoảng 96 210 000 người.  c. Làm tròn đến hàng trăm nghìn, số dân của Việt Nam có khoảng 96 200 000 người.  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS tìm hiểu đề (bài toán cho biết gì, yc gì?)  - HS vận dụng cách so sánh, sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn.  a. Trường Tiểu học Nguyễn Trãi có 2 131 học sinh.  Trường Tiểu học Lê Lợi có 2 065 học sinh.  Trường Tiểu học Quang Trung có 1 892 học sinh.  Trường Tiểu học Nguyễn Du có 1 868 học sinh.  b. Số học sinh của bốn Trường Tiểu học đó theo thứ tự từ bé đến lớn là: 1 868; 1 892;  2 065; 2 131.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS làm việc theo yêu cầu.  + Số phải tìm là 1 032  - Vì số phải tìm là bé nhất có bốn chữ số lập được từ bốn chữ số đã cho nên số phải có chữ số hàng nghìn là 1, chữ số hàng trăm là 0. Vì số cần tìm là số chẵn nên chữ số hàng đơn vị là số 2, do đó chữ số hàng chục là số 3.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết số lớn nhất, số bé nhất trong bốn số tự nhiên đã cho.  - Ví dụ: GV cho dãy số 94 235; 102 356; 41 041; 100 001. Tìm số lớn nhất, số bé nhất? Mời 2 học sinh tham gia trải nghiệm: Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 2 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  ........................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................ | |

------------------------------------------------

**TUẦN 33:** **CHỦ ĐỀ 13: ÔN TẬP CUỐI NĂM**

Bài 68: ÔN TẬP PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN (2 TIẾT)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Thực hiện được các phép tính với số tự nhiên.

- Nhận biết và vận dụng được tính chất của phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia các số tự nhiên trong tính toán.

- Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc.

- Tính được giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện.

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với số tự nhiên.

- Phát triển năng lực tư duy và năng lực tính toán.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 02/5/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  Chọn ý trả lời đúng.  Câu 1: Số liền sau của số 99 999 là  A. 100 000 B.99 998 C. 10 000  Câu 2: Số 40 050 là  A. Số tròn chục nghìn.  B. Số tròn chục.  C. Số tròn trăm.  Câu 3: Số bé nhất có bốn chữ số là:  A. 1111 B. 1234 C. 1000  - GV NX, tuyên dương, GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  Câu 1: Chọn A  Câu 2: Chọn A  Câu 3: Chọn C  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**  - Mục tiêu:  - Thực hiện được các phép tính với số tự nhiên.  - Nhận biết và vận dụng được tính chất của phép cộng, phép trừ các số tự nhiên trong tính toán.  - Tính được giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện.  - Giải được bài toán thực tế liên quan đến bài toán tìm số trung bình cộng.  - Cách tiến hành: | |
| Bài 1.Đặt tính rồi tính. (Làm việc cá nhân)  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - Cả lớp làm bài vào vở.  a. 3 458 + 693  38 794 + 89 152  62 928 – 45 636    b. 815 x 6  509 x 37  8 962 : 28  - GV yêu cầu HS chia sẽ cách đặt tính.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: (Làm việc nhóm 2)  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài toán.  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.  319 + 425 = 425 + ?  (173 + 454) + 346 = ? + (454+ 346)  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: (Làm việc nhóm 4 hoặc 5)  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài toán.  - GV yêu cầu HS xác định dạng bài toán.  - GVcho HS làm theo nhóm.  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 4. (Làm việc cá nhân).  - GV cho HS tìm hiểu đề bài.  - GV cho HS xác định dạng bài toán giải.  - GV hỏi HS:  + Muốn tính trung bình mỗi toa chở được bao nhiêu ki-lo-gam hàng ta cần biết gì?  - Cả lớp làm bài vào vở.  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  Bài 5: Tính bằng cách thuận tiện. (Nhóm)  - GV cho HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV tổ chức làm nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.  6 650 + 9 543 + 3 250 – 9 900  - GV mời các nhóm trình bày và giải thích.  - Mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu của bài.  - HS làm bài vào vở.  a.  b.  - HS chia sẽ cách đặt tính.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS đọc yêu cầu bài toán.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  319 + 425 = 425 + 319  (173 + 454) + 346 = 173 + (454+ 346)  - HS đổi vở soát nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS đọc yêu bài toán. (xác định bài toán cho biết gì, yêu cầu làm gì?)  - Dạng toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  Bài giải  Số lít nước xe thứ nhất chở là:  (39 000 + 3 000) : 2 = 21 000 (l)  Số lít nước xe thứ hai chở là:  39 000 – 21 000 = 18 000 (l)  *Đáp số:* Xe thứ nhất chở 21 000 lít nước  Xe thứ hai chở 18 000 lít nước  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS tìm hiểu đề (bài toán cho biết gì, yêu cầu gì?)  - Dạng bài toán tìm số trung bình cộng.  + Ta cần phải tìm: Mỗi toa chở 15 300kg hàng thì 9 toa chở được bao nhiêu kg hàng. Mỗi toa chở 13 600kg hàng thì 8 toa chở được bao nhiêu kg hàng.  - Cả lớp làm bài vào vở.  Bài giải  Mỗi toa chở 15 300 kg hàng thì 9 toa chở được là:  15 300 x 9 = 137 700 (kg)  Mỗi toa chở 13 600kg hàng thì 8 toa chở được là:  13 600 x 8 = 108 800 (kg)  Trung bình mỗi toa chở số ki-lo-gam hàng là:  (137 700+108 800) : 17= 14 500 (kg)  *Đáp số:* 14 500 ki-lô-gam hàng.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS làm việc theo yêu cầu.  6 650 + 9 543 + 3 250 – 9 900  = 9 543 + (6 650 + 3 250) – 9 900  = 9 543 + 9 900 – 9 900  = 9543  - HS giải thích: Dựa vào tính chất kết hợp của phép cộng.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết thực hiện được các phép tính  với số tự nhiên.  Số ?  + 900 - 6600  ?  ?  ?  + 2 200  5000  - Mời học sinh tham gia trải nghiệm: Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

------------------------------------------------

**TIẾT 2. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 03/5/2024**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  Số?  a.371 + ..?..= 528 c. ..?.. + 714 = 6 250  b. …?..- 281 = 64 d. 925 - ..?.. = 135  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | | - HS tham gia trò chơi  a. 157 c. 5 536  b. 345 d. 790  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**  - Mục tiêu:  - Thực hiện được các phép tính với số tự nhiên.  - Nhận biết và vận dụng được tính chất của phép nhân, phép chia các số tự nhiên trong tính toán.  - Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc.  - Tính được giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện.  - Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính số tự nhiên.  - Cách tiến hành: | | |
| Bài 1.Đặt tính rồi tính. (Làm việc cá nhân)  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài.  - Cả lớp làm bài vào vở.   1. 643 709 + 405 642   1 657 480 – 821 730        b. 3 214 x 56  231 438 : 34    - GV yêu cầu HS chia sẽ cách đặt tính.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: (Làm việc nhóm 2)  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài toán.  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào vở.  49 x 37 = 37 x ?  (214 x 25) x 4 = ? x (25x4)  103 x 18 + 103 x 12 = 103 x (18 +?)  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: Tính giá trị của biểu thức. (Nhóm 4)  - GV gọi HS nêu cách tính giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc.  - GVcho HS làm theo nhóm.   1. 8 359 + 305 x 38 2. 4 824 – (9 356 – 5 465) : 15   - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 4. (Làm việc cá nhân).  - GV cho HS tìm hiểu đề bài.  - Cả lớp làm bài vào vở.  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.  - GV nhận xét tuyên dương.  Bài 5: Tính bằng cách thuận tiện. (Làm việc nhóm hoặc thi ai nhanh ai đúng.)  - GV cho HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV tổ chức làm nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.  a. 3 506 x 25 x 4  b. 467 x 46 + 467 x 54  - GV mời các nhóm trình bày và giải thích.  - Mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu của bài.  - HS làm bài vào vở.  a.  b.  - HS chia sẽ cách đặt tính.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS đọc yêu cầu bài toán.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  49 x 37 = 37 x 49  (214 x 25) x 4 = 214 x (25x4)  103 x 18 + 103 x 12 = 103 x (18 +12)  - HS đổi vở soát nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Nếu biểu thức có dấu ngoặc ta sẽ làm trong ngoặc trước. Nếu biểu thức không có dấu ngoặc thì ta làm nhân, chia trước cộng, trừ sau.  - Các nhóm làm việc theo phân công.   1. 8 359 + 305 x 38 = 8 359 + 11 590   = 19 949   1. 4 824 – (9 356 – 5 465) : 15   = 4 824 – 3 900 :15  = 4 824 – 260 = 4564.  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS tìm hiểu đề (BT cho biết gì, yêu cầu gì?)  - Cả lớp làm bài vào vở.  Bài giải  Với 1lít xăng thì ô tô đi được quảng đường là:  100 : 10 = 10(km)  Ô tô đi quảng đường dài 300km hết số lít xăng là:  300 : 10 = 30 (l)  Số tiền mua xăng để vừa đủ cho ô tô đi hết quảng đường 300 km là:  23 400 x 30 = 702 000 (đồng)  *Đáp số:* 702 000 đồng  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS làm việc theo yêu cầu.  a. 3 506 x 25 x 4 = 3 506 x (25x 4)  = 3 506 x 100 = 350 600  b. 467 x 46 + 467 x 54  = 467 x (46 + 54)  = 467 x 100= 467 000  - HS giải thích: Dựa vào tính chất kết hợp của phép nhân và tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết thực hiện được các phép tính  với số tự nhiên.  Chọn đáp án đúng?  135 – (27+ 15)   1. 92 B. 93 C. 94 2. : 5 x 4 3. 42 B. 43 C. 44   (100 + 11) x (81 : 9 )  A.999 B. 1000 C. 1001  - Mời học sinh tham gia trải nghiệm: Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  ...................................................................................................................................................  ...................................................................................................................................................  ................................................................................................................................................. | | |

------------------------------------------------